

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2026

V/v Tranh chấp ly hôn,

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC N - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2025 và ngày 06/01/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ HKTT: Ấp X, xã H (xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang), tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ hiện nay: Số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt: Chị Phan Thị Đ, anh Ngô Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2007, do gia đình mai mối nên chị Phan Thị Đ và anh Ngô Thanh T tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, anh T về sống chung với chị Đ tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sống chung

hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T.

Chị Phan Thị Đ xác định từ khi sinh ra đến nay, chị Đ chỉ đăng ký cư trú tại Xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Xã H, tỉnh Đồng Tháp. Đến thời điểm hiện nay, anh T và chị Đ không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Chị Đ và anh T có một chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 29/4/2011, hiện nay đang sống chung với chị Đ và anh T. Do cháu H đang ở ổn định tại nhà của chị Đ, chị Đ cũng có công việc ổn định là mua bán thuốc nam. Anh T thì canh tác đất của cha mẹ chị Đ để lại cho anh em chị Đ, nhưng sau này anh T canh tác mất mùa, không có kinh tế. Toàn bộ tiền sử dụng sinh hoạt trong gia đình, cho con đi học cũng do chị Đ mua bán cây thuốc nam. Do đó, chị Đ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Ngô Thanh T thống nhất với lời trình bày của bà Phan Thị Đ về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn. Hiện nay, hôn nhân không phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù, trong hôn nhân chị Đ có gây ra nợ nần, có tình cảm khác bên ngoài nhưng anh T đồng ý bỏ qua. Nay anh T vẫn còn tình cảm với chị Đ nên không đồng ý ly hôn.

Anh Ngô Thanh T xác định từ khi sinh ra đến nay, ông T chỉ đăng ký cư trú tại Xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nay là Xã H, tỉnh Đồng Tháp. Đến thời điểm hiện nay, anh T và chị Đ không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Thống nhất lời trình bày của chị Đ về thông tin của con chung. Trường hợp, chị Đ cương quyết ly hôn thì anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Do bà Đ không tốt, có gây ra nợ và có tình cảm bên ngoài sẽ ảnh hưởng đến con. Về kinh tế trong gia đình, anh T có nghề làm vườn trồng cây ăn trái, 01 năm gần đây thì trồng cây thuốc nam, khi bán thì chị Đ thu tiền, mỗi tháng được 01 tấn thuốc, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng. Từ mùa nước đến nay thì không có canh tác do ngập nước. Sau khi ly hôn, anh T sẽ thuê nhà ở riêng, thuê đất làm vườn nuôi con, đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho cháu H.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu được quyền nuôi con chung, đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản và nợ chung.

- Anh T giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, trường hợp ly hôn thì yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phan Thị Đ, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đ và anh T, giao cháu Ngô Gia H cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, về án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phan Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Thanh T cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt Bộ luật TTDS) xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Anh Ngô Thanh T có đang sinh sống tại địa chỉ: Số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực N - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

- Chị Phan Thị Đ và anh Ngô Thanh T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn: Chị Đ và anh T đều thừa nhận, anh chị đã sống chung như vợ chồng từ năm 2007 tại Xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nhưng không đăng ký kết hôn. Điều này phù hợp với Giấy nhận số 361/2025/UBND-XNTTHN ngày 27/10/2025 của UBND xã H là nơi cư trú của chị Đ, cung cấp thông tin hiện nay chị Đ chưa đăng ký kết hôn với ai và Công văn số 798/UBND ngày 24/12/2025 của UBND xã H, tỉnh Đồng Tháp là nơi đăng ký thường trú của anh T cung cấp thông tin “không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông Ngô Thanh T”. Cho nên, có đủ cơ sở để xác định việc sống chung nhưng không đăng ký kết hôn của

chị Đ và anh T đã không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ và không phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật HNGĐ

- Về mâu thuẫn trong quá trình sống chung: Chị Đ và anh T thừa nhận sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên cho rằng chị Đ, anh T đều có tình cảm với người khác. Mặc dù, cả hai phía đều không thừa nhận nhưng từ những trình bày của đương sự cho thấy, giữa chị Đ và anh T đã thật sự phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành động viên hàn gắn nhưng chị Đ cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, phía anh T cũng không đưa ra được phương án hàn gắn. Như vậy, hôn nhân giữa chị Đ và anh T không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Đ và anh Ngô Văn T1.

[2.2] Về con chung:

Chị Đ và anh T1 có một con chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 29/4/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và anh T1 đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, ngày 05/01/2026 chị Đ có đơn không tranh chấp nuôi con, đồng ý giao con cho anh T1 nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị Đ là trong phạm vi khởi kiện và hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H sinh ngày 29/4/2011 đã trên 07 tuổi nên phải xem xét nguyện vọng theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật HNGĐ. Kèm đơn khởi kiện có Tờ tường trình ngày 11/8/2025 của cháu H, ý kiến *“...sau khi cha mẹ ly hôn con xin được sống với mẹ...”*. Tuy nhiên, đến ngày 19/12/2025 cháu H có văn bản ý kiến có nguyện vọng được sống chung với cha. Ngày 05/01/2026, tại Biên bản tiếp xúc cháu H trình bày không ký tên vào Tờ tường trình ngày 11/8/2025, cháu H có nguyện vọng được sống với ba vì từ trước đến nay ba giành nhiều thời gian để chăm sóc, gần bó với cháu H hơn mẹ. Cháu H đã được Tòa án phân tích các mặt điều kiện, hoàn cảnh sống sau khi cha mẹ ly hôn, nhưng cháu H vẫn giữ nguyên nguyện vọng được sống với ba.

Xét về quyền lợi mọi mặt của cháu H nếu giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng theo ý kiến đương sự và nguyện vọng của cháu H: Về điều kiện kinh tế, có căn cứ xác định chị Đ có điều kiện kinh tế tốt hơn anh T1. Tuy nhiên, hai bên thừa nhận anh T1 cũng có nghề nghiệp làm vườn tạo ra thu nhập nên vẫn đảm bảo điều kiện kinh tế chăm lo cho cháu H, đồng thời chị Đ tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu H được 18 tuổi, như vậy vẫn đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cháu H; Về môi trường sống, hiện nay, cháu H đang học

tập và sinh sống ổn định tại xã H, tỉnh Đồng Tháp cùng chị Đ và anh T1. Anh T1 trình bày nếu được giao quyền nuôi con thì anh T1 sẽ sắp xếp ra sống riêng tại khu vực cháu H đang sống để cháu H được ổn định cuộc sống, không làm xáo trộn sinh hoạt và việc học tập của cháu.

Như vậy, mặc dù cháu H là con gái, nhưng cháu H có nguyện vọng được ở cùng ba, chị Đ cũng đồng ý giao con cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Ngô Gia H cho anh Ngô Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H như phân tích trên. Chị Phan Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 06/01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh T theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực N – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Đ còn phải nộp 300.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Đ và anh Ngô Thanh T.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 29/4/2011 cho anh Ngô Thanh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Chị Phan Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 06/01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3 Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003550 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Đ phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Đ và anh Ngô Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực N – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực N – Đồng Tháp;
- UBND xã H, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã H1, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyên

